

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định thành phần và quy chế hoạt động
của Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 291/TTr-SNV ngày 10 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thành phần và quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Thành phần và quy chế hoạt động của
Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn**
*(Kèm theo Quyết định số 70/2007/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh của Quy định này là quy định về việc thành lập Hội đồng kỷ luật và quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn thuộc thành phố.

2. Đối tượng điều chỉnh của Quy định này là:

a) Cán bộ chuyên trách phường - xã, thị trấn: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (gọi chung là cán bộ).

b) Công chức phường - xã, thị trấn: Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy), Chỉ huy trưởng Quân sự, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội.

Cán bộ, công chức trên bao gồm cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển về công tác tại phường - xã, thị trấn; cán bộ, công chức đang nghỉ chế độ chờ làm thủ tục hưu trí; cán bộ, công chức sau khi điều động công tác về các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mới phát hiện vi phạm kỷ luật; trừ Trưởng Công an chính quy.

3. Đối tượng không thuộc điều chỉnh của Quy định này là:

a) Cán bộ chuyên trách phường - xã, thị trấn giữ các chức danh trong Đảng, Mặt trận, Đoàn thể, khi vi phạm kỷ luật thì xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức mà cán bộ là người giữ chức vụ trong tổ chức đó.

b) Cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn là những người làm việc

theo chế độ hợp đồng, khi vi phạm kỷ luật thì xử lý theo quy định của Bộ Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu quy định.

Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức xác định cán bộ, công chức có hành vi vi phạm kỷ luật cho đến thời điểm Hội đồng kỷ luật họp.

2. Khi xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải thành lập Hội đồng kỷ luật, trừ trường hợp cán bộ, công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo.

3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu cán bộ, công chức có nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và tổng hợp lại sẽ phải nhận hình thức kỷ luật cao hơn một mức so với hành vi vi phạm có hình thức kỷ luật cao nhất.

4. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, công chức trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm; không áp dụng hình thức phạt tiền, cắt lương thay cho hình thức kỷ luật; không áp dụng hình thức buộc thôi việc đối với cán bộ, công chức nữ khi đang mang thai và cán bộ, công chức đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Chương II HỘI ĐỒNG KỶ LUẬT

Điều 3. Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thành lập, thực hiện nhiệm vụ xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp với mức độ vi phạm của cán bộ, công chức. Hội đồng kỷ luật hoạt động theo các quy định tại Quy định này và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thành phần của Hội đồng kỷ luật, gồm có:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn;

b) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan phường - xã, thị trấn;

c) Một Ủy viên Hội đồng do cán bộ, công chức cơ quan cử ra tại cuộc họp kiểm điểm đối với cán bộ, công chức sai phạm.

3. Các thành phần được mời tham dự họp Hội đồng kỷ luật:

a) Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phường - xã, thị trấn tham gia họp xét kỷ luật cán bộ, công chức, bao gồm: Đảng ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh;

b) Các thành phần dự họp Hội đồng kỷ luật nêu trên được tham gia phát biểu ý kiến và đề xuất mức kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết hình thức kỷ luật.

4. Khi thành lập Hội đồng kỷ luật không được cử người có quan hệ gia đình với cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật như: cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (hoặc chồng); cha, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng được pháp luật thừa nhận; vợ hoặc chồng; anh, chị, em ruột; anh, chị, em dâu (rể) được pháp luật thừa nhận; con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi được pháp luật thừa nhận.

5. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn vi phạm kỷ luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xem xét xử lý. Trong trường hợp này, thành phần Hội đồng kỷ luật bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận, huyện;

b) Một ủy viên là đại diện Quận, huyện ủy;

c) Một ủy viên là đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan phường - xã, thị trấn.

Điều 4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật làm việc khách quan, công khai, dân chủ, theo chế độ tập thể.

2. Hội đồng kỷ luật chỉ họp khi có đầy đủ các thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thực hiện bằng phiếu kín và theo nguyên tắc đa số.

4. Biên bản cuộc họp do Thư ký Hội đồng ghi chép và được Hội đồng thông qua trước khi Chủ tịch Hội đồng ký.

Điều 5. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng kỷ luật

1. Khi có cán bộ, công chức (theo khoản 2, Điều 1, Quy định này) vi phạm kỷ

luật (sau đây gọi là người vi phạm), Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn phải thành lập Hội đồng kỷ luật phường - xã, thị trấn để xem xét, kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật đối với người vi phạm.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng:

a) Yêu cầu người vi phạm làm bản kiểm điểm, tường trình nội dung sự việc, tự nhận xét về tính chất và mức độ sai phạm, nguyên nhân, phương hướng khắc phục (nếu có) và tự đề xuất hình thức kỷ luật tương ứng đối với hành vi vi phạm;

b) Ra quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật cơ quan; chỉ định Thư ký Hội đồng kỷ luật;

c) Phân công Thư ký Hội đồng thu thập hồ sơ tài liệu có liên quan đến sai phạm của cán bộ, công chức;

d) Nghiên cứu hồ sơ, xem xét sự việc; liên hệ với các cơ quan chức năng điều tra, thanh tra, kiểm tra, nắm chắc sự việc để đưa ra Hội đồng kỷ luật;

đ) Quyết định ngày họp và tổ chức việc họp Hội đồng kỷ luật theo quy định tại Quy chế này.

3. Trong thời gian đang bị xem xét xử lý kỷ luật, nếu nhận thấy người vi phạm có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm, Chủ tịch Hội đồng kỷ luật có thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện tạm đình chỉ công tác đối với người vi phạm. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 3 tháng.

4. Các thành viên Hội đồng: Nắm vững các quy định pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; tìm hiểu sự việc sai phạm của người vi phạm; phân tích nguyên nhân chủ quan, khách quan, tính chất, mức độ, hậu quả về tinh thần, vật chất (nếu có) và kiến nghị hình thức kỷ luật đối với người vi phạm.

5. Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan sự việc, nghiên cứu nắm chắc sự việc và trình ra Hội đồng theo trình tự quy định tại khoản 3, Điều 6, Quy định này; chịu trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Hội đồng ký đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét, quyết định kỷ luật.

Điều 6. Quy trình xem xét xử lý kỷ luật

1. Cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật phải làm bản kiểm điểm và tự nhận hình

thức kỷ luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức đề người vi phạm kiểm điểm trước tập thể cơ quan và lấy ý kiến về kiến nghị hình thức kỷ luật đối với người vi phạm. Trường hợp người vi phạm kỷ luật sau khi đã được yêu cầu hai lần mà vẫn không chịu viết bản kiểm điểm thì cơ quan vẫn tiến hành họp, góp ý kiến về sai phạm và kiến nghị hình thức kỷ luật đối với người vi phạm.

2. Người vi phạm kỷ luật được Hội đồng kỷ luật gửi giấy báo triệu tập trước khi họp 5 ngày làm việc. Khi họp Hội đồng kỷ luật phải có mặt của người vi phạm. Nếu người vi phạm vắng mặt phải có lý do chính đáng và phải có đơn xin vắng mặt gửi cho Hội đồng kỷ luật ít nhất trước một ngày. Trường hợp đã gửi giấy triệu tập hai lần mà người vi phạm đều vắng mặt không có lý do chính đáng thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

3. Hồ sơ trình Hội đồng kỷ luật gồm:

- a) Bản tự kiểm điểm của người vi phạm kỷ luật;
- b) Biên bản họp kiểm điểm của cơ quan (có kiến nghị hình thức kỷ luật);
- c) Trích ngang sơ yếu lý lịch của người vi phạm;
- d) Các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc vi phạm kỷ luật (đơn tố cáo, khiếu nại; bản tường trình của người vi phạm hoặc của những người liên quan; văn bản kết luận của cơ quan điều tra, xử lý...).

4. Các hình thức kỷ luật áp dụng cho người vi phạm được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 39 - Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003.

Điều 7. Trình tự cuộc họp Hội đồng kỷ luật

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, giới thiệu thành viên tham dự;
2. Thư ký Hội đồng trình bày trích ngang sơ yếu lý lịch, hồ sơ và các tài liệu có liên quan;
3. Người vi phạm đọc bản kiểm điểm. Trường hợp người vi phạm vắng mặt thì Thư ký Hội đồng đọc giúp bản kiểm điểm;
4. Thư ký Hội đồng đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm người vi phạm của cơ quan;
5. Các thành viên Hội đồng và các đại biểu tham dự họp phát biểu ý kiến;
6. Người vi phạm kỷ luật phát biểu ý kiến về hình thức kỷ luật của mình trước khi Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín để kiến nghị hình thức kỷ luật;

7. Kết quả kiến nghị hình thức kỷ luật của Hội đồng được thông báo công khai tại cuộc họp Hội đồng kỷ luật.

Điều 8. Các trường hợp xem xét để tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật

1. Khi xem xét hình thức kỷ luật, Hội đồng kỷ luật có thể áp dụng hình thức kỷ luật cao hơn một mức đối với người vi phạm trong các trường hợp sau:

- a) Trong thời gian đang bị thi hành kỷ luật lại tiếp tục có hành vi vi phạm kỷ luật;
- b) Vi phạm kỷ luật nhiều lần trong vòng một năm hoặc có tính hệ thống;
- c) Có hành vi cố tình che giấu hoặc gây cản trở trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật.

2. Khi xem xét hình thức kỷ luật, Hội đồng kỷ luật có thể áp dụng hình thức kỷ luật thấp hơn một mức đối với người vi phạm trong các trường hợp sau:

- a) Đã đạt nhiều thành tích trong quá trình công tác (chiến sĩ thi đua, khen thưởng cấp quận, huyện trở lên);
- b) Có thái độ thành khẩn và đã cố gắng giải quyết, khắc phục các hậu quả do mình gây ra.

Điều 9. Giải quyết những vướng mắc phát sinh

1. Trong quá trình trao đổi, thảo luận Hội đồng có quyền yêu cầu Thư ký báo cáo, giải trình những vấn đề chưa rõ liên quan đến sai phạm của cán bộ, công chức.

2. Chủ tịch Hội đồng có thể quyết định việc dừng cuộc họp trong trường hợp còn có những vấn đề chưa rõ cần phải thẩm tra, xác minh thêm.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm bổ sung hoặc xác minh làm rõ những vấn đề mà Hội đồng đã nêu ra để trình Hội đồng xem xét quyết định trong phiên họp tiếp theo.

Điều 10. Thủ tục sau cuộc họp Hội đồng kỷ luật

1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có văn bản đề nghị xử lý kỷ luật (kèm theo biên bản, các hồ sơ, tài liệu liên quan) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét, quyết định kỷ luật.

2. Trong trường hợp kiến nghị của Hội đồng kỷ luật khác với ý kiến của Chỉ huy trưởng Quân sự quận, huyện (đối với Chỉ huy trưởng Quân sự phường - xã, thị trấn) hoặc người ra quyết định thì Hội đồng kỷ luật phải họp lại để trao đổi, thảo luận về ý kiến đó (Biên bản cuộc họp được gửi cho cơ quan có liên quan và người ra quyết

định). Nếu sau khi trao đổi, thảo luận vẫn không thống nhất thì người ra quyết định có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định xử lý của mình.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quy định này thực hiện thống nhất đối với phường - xã, thị trấn thuộc thành phố. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH .**

Lê Hoàng Quân